



# Quá trình hình thành và truyền thừa thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh ở miền Trung

ISSN: 2734-9195

12:01 08/09/2022

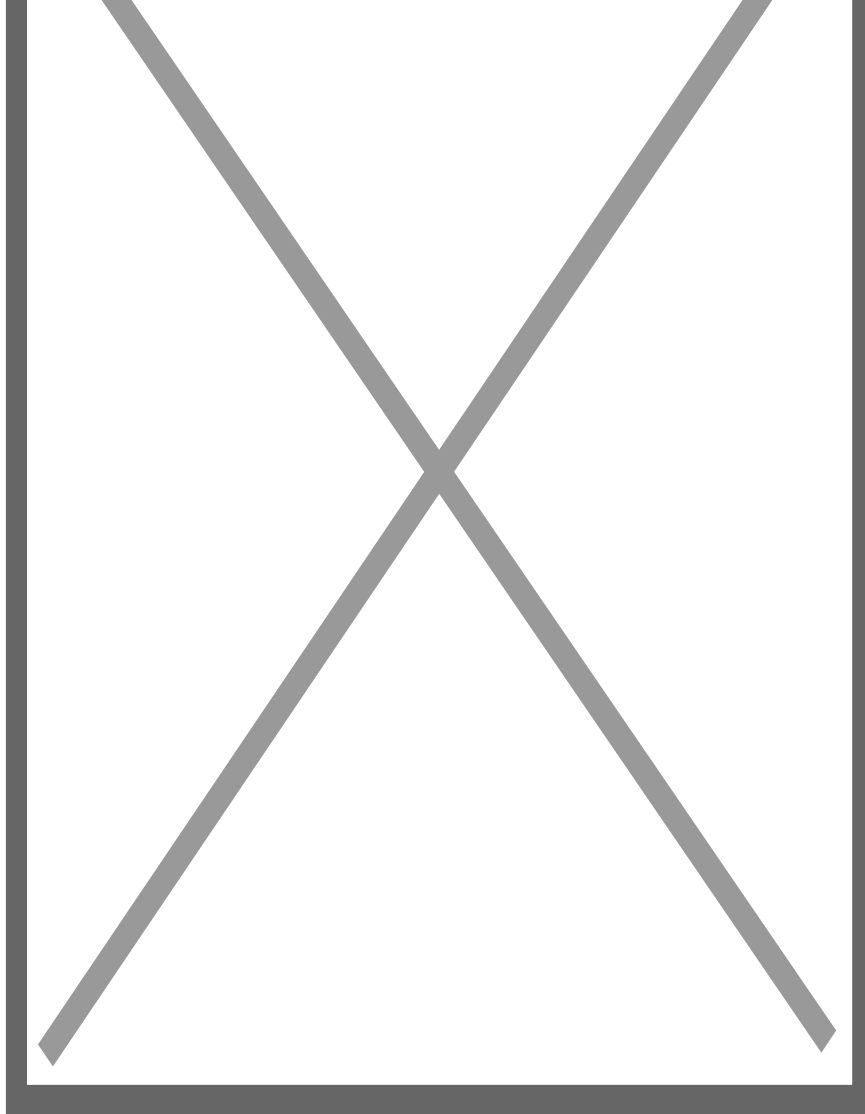
Tác giả: **Thích Đạt Ma Chí Hải** Học viên Thạc sĩ khoá III, Học viện PGVN tại Tp.HCM

## 1. Thiền sư Minh Hải Pháp Bảo và sự hình thành thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh tại Quảng Nam

### 1.1. Cuộc đời và đạo nghiệp của thiền sư Minh Hải Pháp Bảo

Thiền sư Minh Hải (1670 - 1746), thế danh là Lương Thế Ân, sinh vào ngày 28 tháng 06 năm Canh Tuất (năm 1670, niên hiệu Khang Hy thứ tám, nhà Thanh) tại tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc. Thân phụ là Lương Đôn Hậu và thân mẫu là Trần Thực Thuận.

[caption id="attachment\_14470" align="alignleft" width="450"]



Thiền sư Minh Hải Pháp

### Bảo[/caption]

Ngài là con thứ hai trong gia đình với anh trai tên là Lương Thế Bảo và em trai là Lương Thế Định. Ngài sinh ra trong gia đình Nho học, tư chất thông minh. Năm lên chín tuổi (1678), ngài được cha mẹ đồng ý cho đến chùa Báo Tư (Trung Quốc) thế phát xuất gia. Sau một thời gian tu học, ngài được thọ giới với pháp danh là Minh Hải, tự Đắc Trí, hiệu Pháp Bảo, nối pháp đời thứ 34 của dòng Lâm Tế theo bài kệ của ngài Vạn Phong Thời Uy.

Tại Việt Nam, vào thời chúa Nguyễn Phúc Chu (1691 – 1725), ngài theo thiền sư Thạch Liêm Đại Sán cùng các vị như Minh Hoàng Tử Dung, Minh Vật Nhất Tri, Minh Hành Tại Toại,... từ Trung Quốc sang Việt Nam truyền giới tại chùa Thiền Lâm (Huế) vào năm 1695. Ngày 01 tháng 4 năm Ất Hợi (1695), ngài cùng với thiền sư Thạch Liêm, Minh Hoàng,... trong Hội đồng thập sư. Đặc biệt, chúa

Nguyễn Phúc Chu được truyền riêng một giới đàn và được ngài Thạch Liêm đặt cho pháp danh là Hưng Long (Thiên Túng Đạo Nhân).

Trải qua gần nửa thế kỷ hoằng pháp tại Quảng Nam, Bình Định,... Tổ Minh Hải Pháp Bảo đã xiển dương chính pháp rộng khắp, nhưng trước sự chi phối của định luật vô thường nên ngài đã viên tịch vào mùa đông năm Bính Dần (1746), và đã xuất bài kệ khai thị môn đồ đệ tử như sau:

□□□□ □□□□ □□□□ □□□□ .

Phiên âm:

*Nguyên phù pháp giới không Chơn như vô tánh tướng Nhược liễu ngộ như thử Chúng sinh dữ Phật đồng [1].*

Được TT.Hạnh Niệm dịch như sau:

*Pháp giới như mây nổi Chân như không tánh tướng Nếu hiểu được như vậy Chúng sinh với Phật đồng [2] .*

## 1.2. Sự hình thành thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh

Sau khi truyền giới xong, ngài Thạch Liêm trở về Trung Quốc; còn ngài Hưng Liên (đệ tử xuất gia của ngài Thạch Liêm) ở lại, được chúa Nguyễn phong làm Quốc sư và sinh hoạt tại chùa Tam Thai. Sau một thời gian, ngài Hưng Liên viên tịch, dòng Tào Động tại Quảng Nam cũng mất dần. Bấy giờ, tại Hội An (Quảng Nam), thiền sư Minh Hải đã lập một thảo am tu (sau này là Tổ đình Chúc Thánh). Sau đó, ngài mở lớp dạy học, đào tạo tăng chúng. Bấy giờ, người dân tại Hội An đến quy y tu tập với ngài rất đông. Ngài đã thiết lập nếp sinh hoạt quy củ thiền môn và lập ra thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh tại Quảng Nam với bài kệ truyền thừa như sau:

□□□□ □□□□ □□□□ □□□□ □□□□ □□□□  
□□□□ □□□□ .

Phiên âm:

*Minh Thiệt Pháp Toàn Chương Ấn Chơn Như Thị Đồng Chúc Thánh Thọ Thiên Cửu Kỳ Quốc Tộ Địa Trường Đắc Chánh Luật Vi Tông [3] Tổ Đạo Giải Hành Thông Giác Hoa Bồ Đề Thọ Sung Mãn Nhân Thiên Trung [4].*

Được HT.Thích Nhất Hạnh dịch như sau:

*Khơi sáng pháp chân thật Tánh chân như là đồng Cầu Thánh quân muôn tuổi  
Chúc đất nước vững bền Giới luật nêu trước tiên Giải và hành nối liền Hoa nở  
cây giác ngộ Hương thơm lòng nhân thiên [5].*

Trong bài kệ truyền thừa trên, bốn câu đầu dùng để đặt pháp danh và bốn câu sau đặt pháp tự. Tuy nhiên, Tổ Minh Hải Pháp Bảo còn làm thêm một bài kệ pháp danh và pháp tự tại Bình Định. Bài kệ pháp danh như sau:

□□□□      □□□□      □□□□      □□□□      □□□□      □□□□  
□□□□      □□□□      □□□□      □□□□      □□□□      □□□□      .

Phiên âm:

*Minh Thiệt Pháp Toàn Chương Ấn Chơn Như Thị Đồng Vạn Hữu Duy Nhất Thế  
Quán Liễu Tâm Cảnh Không Giới Hương Thành Thánh Quả Giác Hải Dũng Liên  
Hoa Tín Tấn Sinh Phước Huệ Hạnh Trí Giải Viên Thông Ảnh Nguyệt Thanh Trung  
Thủy Vân Phi Nhật Khứ Lai Đạt Ngộ Vi Diệu Tánh Hoằng Khai Tổ Đạo Trường [6].*

Được TT.Thích Hạnh Niệm dịch như sau:

*Pháp minh thiết sáng tỏ In đồng với chân như Muôn vật cùng một thể Quán suốt  
tâm cảnh không Hương giới thành Thánh quả Biển giác phát hoa sen Tín tấn  
sinh phước huệ Hiểu làm đều viên thông Bóng trắng soi đáy nước Mây bay mặt  
trời đi Ngộ được pháp vi diệu Đạo tổ được lâu dài [7].*

Thứ hai, bài kệ truyền pháp tự được lập tại Bình Định như sau:

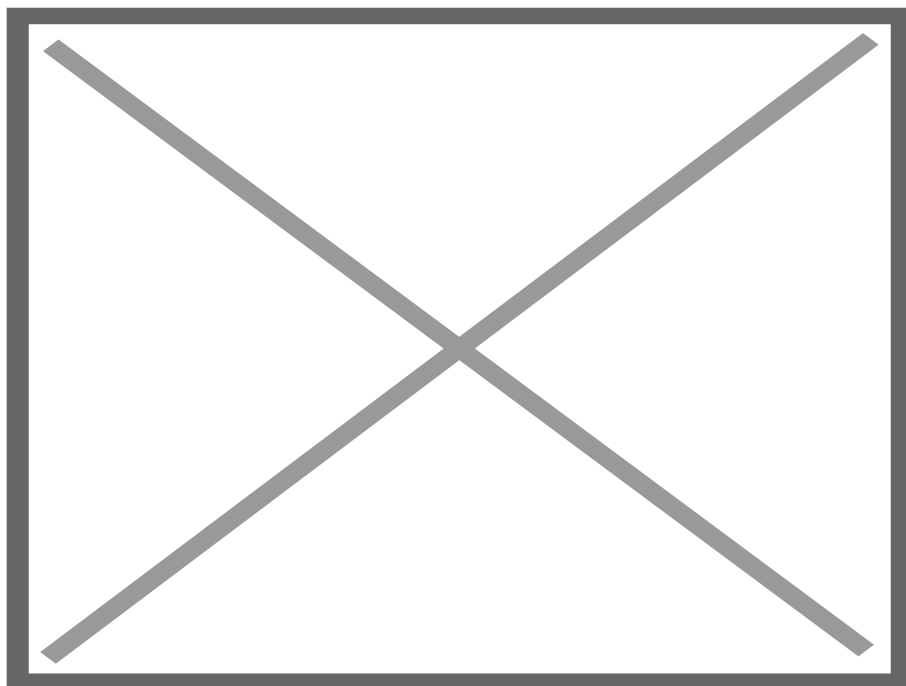
□□□□      □□□□      □□□□      □□□□      □□□□      □□□□  
□□□□      □□□□      □□□□      □□□□      □□□□      □□□□      .

Phiên âm:

*Đắc Chánh Luật Vi Tông Tổ Đạo Giải Hạnh Thông Giác Hoa Viên Cảnh Trí Sung  
Mãn Lợi Nhân Thiên Hằng Sa Chư Pháp Giới Tế Độ Đẳng Hàm Sinh Châu Viên  
Thế Tướng Dụng Quán Chiếu Sát Trần Trung Khứ Lai Đương Nhất Niệm Năng Sở  
Khởi Phi Tha Tâm Cảnh Thủy Biên Thủ Chơn Vọng Tổng Giai Như [8].*

Được TT.Hạnh Niệm dịch như sau:

*Chứng Thánh luật làm gốc Đạo tổ hiểu làm thông Hoa giác trí viên cảnh Đầy  
khắp lợi trời người Hằng sa các pháp giới Cứu độ khắp muôn loài Trùm bao thể  
tướng dụng Chiếu soi sát độ trung Đến đi trong một niệm Năng sở cũng một y  
Tâm cảnh đều thấu cả Chân vọng thấy đều như [9].*



## 2. Sự truyền thừa của thiền Lâm Tế Chúc Thánh tại Việt Nam

Tại Quảng Nam, theo nghiên cứu của Thích Như Tịnh ghi rằng: *“Có vài ngôi chùa truyền thừa theo dòng kệ của tổ Mộc Trần - Đạo Môn: ‘Đạo Bốn Nguyên Thành Phật Tổ Tiên...’ và dòng kệ của tổ Thiệt Diệt - Liễu Quán: ‘Thiệt Tế Đại Đạo, Tánh Hải Thanh Trùng,...’ . Tuy nhiên, vùng đất Quảng Nam kết nhiều nhân duyên với dòng thiền Chúc Thánh nên phần lớn các chùa tại đây đều truyền theo bài kệ của tổ Minh Hải”* [10]. Tổ Minh Hải khai sơn chùa Chúc Thánh, tổ Thiệt Dinh Ân Triêm (1712 – 1796) khai sơn chùa Phước Lâm, HT.Ấn Nghiêm Phổ Thoại (1875 – 1954) khai sơn chùa Long Tuyền, HT.Như Tiến Quảng Hưng (1893 – 1946) khai sơn chùa Từ Vân,...

Đến thời vua Thành Thái trị vì, tại kinh đô Huế, thiền sư Chơn Tâm Đạo Tánh (Pháp Thân) đã đắc pháp với HT.Ấn Chánh Huệ Minh, chùa Bảo Sơn (Phú Yên); sau đó ngài Chơn Tâm về thôn Vỹ Dạ (Huế) lập chùa Phước Huệ. Thiền sư Chơn Pháp Đạo Diệu (Phước Trí) từ chùa Tam Thai (Quảng Nam) ra Huế khai sơn chùa An Hội (Gia Hội). Nhưng đến giữa thế kỷ XX, hai ngôi chùa Phước Huệ và An Hội đều không còn nữa, chùa Phước Huệ giao về cho phủ Tuy Lý Vương quản lý, chùa An Hội được gia tộc họ Nguyễn quản lý.

Năm 1880 (Kỷ Sửu), thiền sư Chơn Kim Pháp Lâm thuộc dòng Lâm Tế Chúc Thánh đời thứ 40 đã từ chùa Châu Lâm (Phú Yên) ra vùng đất thần kinh trú trì chùa Viên Thông. Chùa Viên Thông vốn do tổ Liễu Quán khai sơn nhưng truyền đến đời ngài Tánh Trạm thì không có ai kế thừa nên thiền sư Chơn Kim Pháp

Lâm đảm nhận trụ trì [11].

Ngoài ra, thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh đã phát triển khắp các tỉnh ở miền Trung như tại Quảng Ngãi có HT.Thiết Úy Chánh Thành, HT.Pháp Ấn Tường Quang, HT.Toàn Chiếu Trí Minh, HT.Chương Nhẫn Tuyên Tâm, HT.Ấn Hương Tổ Đồng, HT.Chơn Trung Đạo Chí, HT.Như Bình Giải An,...; tại Bình Định có HT.Thiết Đăng Chánh Trí, HT.Toàn Định Vi Quang, HT.Chương Giám Trí Hải, HT.Như Hoà Tâm Ấn, HT.Thị Công Trí An,...; tại Phú Yên có HT.Pháp Chuyên Luật Truyền, HT.Toàn Nhật Vi Bảo, HT.Ấn Thiên Tổ Hoà, HT.Chơn Chánh Đạo Tâm, HT.Thị Tín Hành Giải,...; tại Khánh Hòa có HT.Pháp Thân Đạo Minh, HT.Chương Huấn Tông Giáo, HT.Như Huệ Giải Thức, HT.Thị Thọ Hành Giáo, HT.Thị Khai Hạng Huệ,...; tại Ninh Thuận có HT.Chơn Tâm Đạo Tánh, HT.Chơn Cảnh Đạo Thông, HT.Như Thọ Giải Thoát,...; tại Bình Thuận có HT.Như Quang Giải Đạo, HT.Như Tiến Giải Hình, HT.Thị Lạc Hành Thiện, ...

Không những miền Trung mà thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh còn truyền vào miền Nam Việt Nam như tại Thành phố Hồ Chí Minh có các Tổ đình như Tập Phước, Hưng Long, Đông Hưng, Quán Thế Âm,... với các vị Hoà thượng như HT.Như Điền Giải Trà, HT.Chơn Trùng Đạo Thanh, HT.Thị Thủy Hành Pháp (Quảng Đức), HT.Thị An Hành Trụ (Phước Bình), HT.Như Thiện Giải Năng,...; tại Bình Dương có Tổ đình Hội Khánh và Tổ đình Thiên Tôn với các Hoà thượng như HT.Toàn Tánh Chánh Đắc, HT.Ấn Long Thiện Quới, HT.Thị Huệ Thiện Hương, HT.Như Trạm Tịch Chiếu,...; tại Vĩnh Long có Tổ đình Phước Hậu với các Hoà thượng như HT.Ấn Chí Tổ Chấn, HT.Chơn Thành Đạo Tín, HT.Như Quả Giải Nhơn (Thích Thiện Hoa), HT.Như Mẫn Giải Phật,...; tại Đồng Nai và Bà Rịa Vũng Tàu tiêu biểu như HT.Đồng Trí Thanh Minh, HT.Đồng Giác Tịnh Giác,...

Bên cạnh đó, một số chư ni được truyền thừa như Ni trưởng Như Huyền Giải Huệ (Quảng Ngãi), Ni trưởng Thị Hương Từ Đăng (Bình Định), Ni trưởng Như Ái Tịnh Viên (Bình Định), Ni trưởng Tâm Đăng Hạnh Viên (Khánh Hòa), Ni trưởng Đồng Chánh Thông Huệ (Tp.Hồ Chí Minh),... góp phần xây dựng và phát triển thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh tại Việt Nam. Đồng thời, thiền phái còn truyền sang nước ngoài như tại châu Âu có HT.Như Kế Giải Đạo, HT.Như Điển Giải Minh, HT.Đồng Tâm Thông Tịnh,...; tại châu Mỹ có HT.Chơn Điền Đạo Pháp, ...; tại châu Úc có HT.Như Kế Giải Tích, HT.Đồng An Thanh Nghiệp,...

**Tóm lại,** Tổ Minh Hải Pháp Bảo là một trong những vị thiền sư lỗi lạc của Phật giáo Việt Nam cuối thế kỷ XVII – đầu thế kỷ XVIII, khai sáng ra dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh tại Việt Nam. Sự truyền thừa và phát triển của dòng thiền đã có những bước đi phù hợp với văn hóa và con người Việt Nam. Với tinh thần bao dung, cởi mở chan hoà và ứng xử chân chất của các thiền sư trong dòng kệ

truyền thừa thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh đã đi sâu vào trong tâm thức của người dân Quảng Nam nói riêng và các tỉnh thành khác ở miền Trung.

Tác giả: **Thích Đạt Ma Chí Hải** Học viên Thạc sĩ khoá III, Học viện PGVN tại Tp.HCM \*\*\*

*Chú thích và tài liệu tham khảo: [1]. Thích Như Tịnh (2009), Lịch sử truyền thừa thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh, Nxb. Phương Đông, TP. HCM, tr.110. [2] Thích Hạnh Thiện (2001), Thiền sư Minh Hải và Tổ đình Chúc Thánh (Hội An – Quảng Nam), Luận văn tốt nghiệp cử nhân Phật học, khoá I (1997-2001), Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế, tr.20. [3] Theo bài kệ của Tổ Minh Hải Pháp Bảo đặt là chữ Tông (宗), nhưng về sau do sợ phạm húy đối với tên của vua Thiệu Trị (Nguyễn Phúc Miên Tông) nên chư Tổ đọc trại thành chữ “Tôn” hoặc chữ “Tuyên” (宣). [4]. Thích Như Tịnh (2009), tr.111. [5]. Thích Như Tịnh (2009), Sđd, tr.111. [6]. Thích Như Tịnh (2009), Sđd, tr.120. [7]. Thích Hạnh Thiện (2001), tr.17. [8]. Thích Như Tịnh (2009), Sđd, tr.121. [9]. Thích Hạnh Thiện (2001), Sđd, tr.19. [10]. Thích Như Tịnh (2009), Sđd, tr.137-138. [11]. Thích Như Tịnh (2009), Sđd, tr.210.*